

Bản án số: 70/2023/DS-ST

Ngày: 27-3-2023

V/v “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kinh Hạnh

Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2022/DSST ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-DS ngày 10 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-DS ngày 06/03/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Trụ sở chính: Số X Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường K, Quận L, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Đại diện theo ủy quyền : Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần S

Đại diện theo pháp luật công ty : Ông Trần Văn Ng - Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền : Ông Trần Đức T, sinh năm 1984

Địa chỉ : Số Q Nam Kỳ Khởi nghĩa, phường V, Quận L, Thành phố H (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn : Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1962

Địa chỉ : Số X Nguyễn Văn Lượng, phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2022, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 01/12/2009, Ông Lê Hoàng S (gọi tắt là bị đơn) có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S(gọi tắt là Ngân hàng, nguyên đơn) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này

được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-2181 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng; lãi suất là 2,6%/ tháng; lãi suất quá hạn 3,9%/ tháng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 29/01/2010, ông S có đăng ký thêm thẻ Visa Parkson 464932-1239 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất là 2,15%/ tháng, lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông Lê Hoàng S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.872.773 đồng (gồm thẻ 472074-2181 là 17.517.826 đồng, thẻ 464932-1239 là 7.354.947 đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông S thanh toán cho Ngân hàng số tiền 49.313.000 đồng (Trong đó thẻ Visa Credit Classic 472074-2181 là 30.968.000 đồng; thẻ Visa Parkson 464932-1239 là 18.345.000 đồng). Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông S vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông S (cụ thể : thẻ Visa Credit Classic 472074-2181 là ngày 16/10/2019; thẻ Visa Parkson 464932-1239 ngày 26/10/2019 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang dư nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông S có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Ông Lê Hoàng S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ông Lê Hoàng S phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 20/7/2022 là 11.303.016 đồng, trong đó: Nợ gốc : 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 6.145.022 đồng.

Và ông S phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/7/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2022, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Ông Lê Hoàng S phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 23/11/2022 là 12.073.884 đồng, trong đó: Nợ gốc : 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 6.915.890 đồng và ông S phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/11/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 06/03/2023, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Ông Lê Hoàng S phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 06/03/2023 là 12.704.038 đồng, trong đó: Nợ gốc : 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 7.546.044 đồng và ông S phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/03/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 27/03/2023, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Ông Lê Hoàng S phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 27/03/2023 là 12.832.516 đồng, trong đó: Nợ gốc : 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 7.674.522 đồng và ông S phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/03/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập Ông Lê Hoàng S đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông S không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông S tại địa chỉ số X Nguyễn Văn Lương, phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết : “ Ông Lê Hoàng S, sinh năm 1962 có đăng ký hộ khẩu thường

trú và thực tế cư ngụ tại địa chỉ số X Nguyễn Văn Lượng, phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.”

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho ông S hợp lệ theo quy định pháp luật nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Ông Trần Đức T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tuy nhiên ông T vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn Ông Lê Hoàng S phải thanh toán ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/03/2022 là 12.832.516 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 7.674.522 đồng và ông S phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/03/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại hợp đồng đã ký.

Ông S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ông Lê Hoàng S phải thanh toán ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tạm tính đến ngày 27/03/2023 số tiền là 12.832.516 đồng, trong đó: Nợ gốc: 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 7.674.522 đồng;

Ông S phải còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng tính kể từ ngày 28/03/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại hợp đồng đã ký .

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bị đơn Ông Lê Hoàng S về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) được ký kết giữa 2 bên. Bị đơn Ông Lê Hoàng S có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số X Nguyễn Văn Lương, phường M, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng :

- Ông Trần Đức T đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn Ông Lê Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) ngày 01/12/2009 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với Ông Lê Hoàng S cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện không trái với các quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 317 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngày 01/12/2009, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-2181 cho ông S với hạn mức 10.000.000 đồng. Sau một thời gian sử dụng, đến ngày 29/01/2010, Ông S có đăng ký thêm thẻ Visa Parkson 464932-1239 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ ông S đã nhiều lần thực hiện giao dịch nhưng ông S đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo thông báo giao dịch hàng tháng, do đó ngày 16/10/2019 - thẻ Visa Credit Classic 472074-2181 và ngày 26/10/2019 - thẻ Visa Parkson 464932-1239, Ngân hàng S đã chuyển khoản nợ thẻ của ông S sang nợ quá hạn với dư nợ gốc là 5.157.994 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: “ Trong trường hợp khách hàng không trả nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng” và tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả tiền và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng bị đơn mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 01/12/2009 tổng cộng là 49.313.000 đồng vốn và lãi và đã không thanh toán đầy đủ theo hợp đồng cho nguyên đơn nên ngày 16/10/2019 đối với thẻ Visa Credit Classic 472074-2181 và ngày 26/10/2019 đối với thẻ Visa Parkson 464932-1239, nguyên đơn đã chuyển

toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 27/03/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn 5.157.994 đồng tiền nợ gốc chưa thanh toán. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 5.157.994 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi :

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 01/12/2009; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần S và các văn bản khác Ông Lê Hoàng S đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã cấp cho ông S số tiền trong thẻ tín dụng Visa Credit Classic 472074-2181 với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất là 2,6%/ tháng ; lãi suất quá hạn 3,9%/ tháng. Ngày 29/01/2010, ông S có đăng ký thêm thẻ Visa Parkson 464932-1239 với hạn mức sử dụng chung là 10.000.000 đồng, lãi suất là 2,15%/ tháng, lãi suất quá hạn là 3,225%/ Tháng.

Căn cứ tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về lãi suất quy định về quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ với mức lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng; quá hạn là 3,9%/ tháng đối với thẻ Visa và mức lãi suất 2.15%/ tháng đối với thẻ VisaParkson và lãi suất quá hạn được tính 3,225%/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Tính đến ngày 27/03/2023 ông S còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền lãi quá hạn là 7.674.522 đồng do đó Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông S và Ngân hàng đã tự nguyện thỏa thuận về lãi suất với hình thức vay tín chấp phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S do đó Hội đồng xét xử buộc ông S phải trả tổng số tiền lãi quá hạn là 7.674.522 đồng, tạm tính đến ngày 27/03/2023.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử buộc ông S phải thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tạm tính đến ngày 27/03/2023 số tiền là 12.832.516 đồng (*Mười hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm mười sáu đồng*); trong đó: Vốn gốc: 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 7.674.522 đồng;

Ông S tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 28/03/2023 cho đến khi ông S hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo thỏa thuận trong hợp đồng gồm : (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) cho đến khi ông S trả dứt nợ theo thứ tự trả nợ: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0011831 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 12.832.516 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 641.626 đồng (*Sáu trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng*).

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Căn cứ Điều 280 ; Điều 317; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ông Lê Hoàng S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tạm tính đến ngày 27/03/2023 số tiền là 12.832.516 đồng (*Mười hai triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm mười sáu đồng*); trong đó: Vốn gốc: 5.157.994 đồng; Lãi quá hạn: 7.674.522 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Lê Hoàng S còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 28/03/2023 cho đến khi ông S hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo thỏa thuận trong hợp đồng gồm : (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S) theo thứ tự trả nợ như sau : Vốn gốc, lãi quá hạn.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Lê Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 641.626 đồng (Sáu trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0011831 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)